TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2022
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức.

2. Bà Hoàng Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: tổ x, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Đình H**, sinh năm 1970;

Nơi ĐKHKTT: Tổ x, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: đường H, phường T, quận C, Hà Nội.

(Chị H, anh H đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đình H tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Kỳ Bá, thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình), tỉnh Thái Bình vào ngày 10/01/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nhất là về vấn đề kinh tế nên thường xảy ra va chạm cãi vã nhau. Đến năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị và anh H đã sống ly thân, Chị H về nhà bố mẹ đẻ ở tổ 7, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ở từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng và gia đình có tìm cách hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đình H.

Về con chung: Chị và anh Trần Đình H có 02 con chung là Trần Tuấn M, sinh ngày 14/07/2001 và Trần Khánh N sinh ngày 12/11/2006. Con Trần Tuấn M hiện nay đã trên 18 tuổi, tự lập về kinh tế nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Ly hôn, Chị H xin được trực tiếp nuôi con Trần Khánh N và không yêu cầu anh Trần Đình H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Văn bản trình bày ý kiến bị đơn, anh Trần Đình H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn như Chị H trình bày. Đến nay anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ cùng nhau được nữa anh nhất trí ly hôn với Chị H. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như Chị H trình bày, con Trần Tuấn M hiện nay đã trên 18 tuổi, tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng, anh đồng ý cho Chị H trực tiếp nuôi con Trần Khánh N và không yêu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản xác lấy lời khai của người làm chứng, bà Bùi Thị Đ là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn như anh H, Chị H trình bày. Đến nay bà thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H và Chị H được ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung như Chị H trình bày, Chị H đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị H được trực tiếp nuôi con Trần Khánh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho Chị H được ly hôn anh H. Ly hôn, giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Khánh N, sinh ngày 12/11/2006, chấp nhận sự tự nguyện của Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của Chị H nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 6 (tổ 15 cũ), phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, hiện đang sinh sống tại phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội nhưng nguyên đơn và bị đơn có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình là nơi nguyên đơn cư trú giải quyết nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nhất là vấn đề kinh tế nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy hôn nhân giữa Chị H và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì

vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho Chị H được ly hôn anh H.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là Trần Tuấn M sinh ngày 14/07/200 và Trần Khánh N sinh ngày 12/11/2006. Hiện nay cháu Trần Tuấn M đã trên 18 tuổi, chấp nhận việc Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Xét thấy, từ nhỏ đến nay cháu Ngân chủ yếu ở với Chị H, Chị H có đủ điều kiện nuôi con, nguyện vọng của cháu N cũng muốn ở với mẹ, nên cần chấp nhận sự tự nguyện của Chị H, anh H giao cháu N cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị H và anh H đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung ai và không cho ai vay chung tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của Chị H nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Đình H.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Khánh N, sinh ngày 12/11/2006. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Đình H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đình H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là

300.000 đồng theo Biên lai số 0000603 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Chị Nguyễn Thị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đình H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- UBND phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 07 ngày 10/01/2000);
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị H